

XÁC ĐỊNH TUỔI CỦA NGƯỜI BỊ BUỘC TỘI, NGƯỜI BỊ HẠI LÀ NGƯỜI DƯỚI 18 TUỔI

DINH VĂN QUÊ*

Tóm tắt: Khi áp dụng Điều 417 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 về xác định tuổi của người bị buộc tội, người bị hại là người dưới 18 tuổi và hướng dẫn của Thông tư liên tịch số 06 ngày 21/6/2018 của Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội còn có điểm chưa phù hợp. Bài viết này tác giả phân tích làm rõ quy định trong việc xác định tuổi của người bị buộc tội và người bị hại là người dưới 18 tuổi để đảm bảo đúng nguyên tắc xử lý đối với người phạm tội dưới 18 tuổi.

Từ khóa: Người bị buộc tội, người bị hại là người dưới 18 tuổi.

Ngày nhận bài: 09/01/2019; *ngày biên tập xong:* 10/01/2019; *ngày duyệt bài:* 10/01/2019

Theo quy định tại Điều 417 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 thì:

1. Việc xác định tuổi của người bị buộc tội, người bị hại là người dưới 18 tuổi do cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng thực hiện theo quy định của pháp luật.

2. Trường hợp đã áp dụng các biện pháp hợp pháp mà vẫn không xác định được chính xác thì ngày, tháng, năm sinh của họ được xác định:

a) Trường hợp xác định được tháng nhưng không xác định được ngày thì lấy ngày cuối cùng của tháng đó làm ngày sinh.

b) Trường hợp xác định được quý nhưng không xác định được ngày, tháng thì lấy ngày cuối cùng của tháng cuối cùng trong quý đó làm ngày, tháng sinh.

c) Trường hợp xác định được nửa của năm nhưng không xác định được ngày, tháng thì lấy ngày cuối cùng của tháng cuối cùng trong nửa năm đó làm ngày, tháng sinh.

d) Trường hợp xác định được năm nhưng không xác định được ngày, tháng thì lấy ngày cuối cùng của tháng cuối cùng trong năm đó làm ngày, tháng sinh.

3. Trường hợp không xác định được năm sinh thì phải tiến hành giám định để xác định tuổi.

Đây là quy định mới so với Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003 và có nhiều nội

**Nguyên Chánh tòa hình sự Tòa án nhân dân tối cao.*

dung khác với Thông tư liên tịch số 01/2011/TTLT-VKSTC-TANDTC-BCA-BTP-BLĐT BXH ngày 12/7/2011 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, hướng dẫn thi hành một số quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự đối với người tham gia tố tụng là người chưa thành niên (viết tắt là TTLT số 01/2011). Do đó, ngày 21/6/2018, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã ban hành Thông tư liên tịch số 06/2018/TTLT/VKSNDTC-TANDTC-BCA-BLĐT BXH về phối hợp thực hiện một số quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự về thủ tục tố tụng đối với người dưới 18 tuổi (viết tắt là TTLT số 06/2018) để thay thế TTLT số 01/2011 cho phù hợp với Điều 417 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Theo quy định tại Điều 6 TTLT số 06/2018 thì:

1. Việc xác định tuổi của người bị buộc tội, người bị hại dưới 18 tuổi căn cứ vào một trong các giấy tờ, tài liệu sau:

- a) Giấy chứng sinh;
- b) Giấy khai sinh;
- c) Chứng minh nhân dân;
- d) Thẻ căn cước công dân;
- đ) Sổ hộ khẩu;
- e) Hộ chiếu.

2. Trường hợp các giấy tờ, tài liệu nêu tại khoản 1 Điều này có mâu thuẫn, không rõ ràng hoặc không có giấy tờ, tài liệu này thì cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải phối hợp với gia đình, người đại diện, người thân thích, nhà trường, Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh hoặc tổ chức, cá nhân khác có

liên quan nơi người dưới 18 tuổi học tập, lao động, sinh hoạt trong việc hỏi, lấy lời khai, xác minh làm rõ mâu thuẫn hoặc tìm các giấy tờ, tài liệu khác có giá trị chứng minh về tuổi của người đó.

Trường hợp đã áp dụng các biện pháp hợp pháp nhưng chỉ xác định được khoảng thời gian tháng, quý, nửa đầu hoặc nửa cuối của năm hoặc năm sinh thì tùy từng trường hợp cụ thể căn cứ khoản 2 Điều 417 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 để xác định tuổi của họ.

3. Trường hợp kết quả giám định tuổi chỉ xác định được khoảng độ tuổi của người bị buộc tội, người bị hại thì cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng lấy tuổi thấp nhất trong khoảng độ tuổi đã xác định được để xác định tuổi của họ.

Ví dụ: Kết luận giám định A có độ tuổi trong khoảng từ 13 tuổi 6 tháng đến 14 tuổi 2 tháng thì xác định tuổi của A là 13 tuổi 6 tháng.

Nội dung của quy định tại Điều 417 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 cũng như TTLT số 06/2018 chỉ phù hợp đối với người bị buộc tội còn đối với người bị hại thì quy định như vậy không phù hợp với nguyên tắc “có lợi cho người phạm tội”.

Đối với người bị hại mà xác định tuổi theo quy định của Điều 417 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và TTLT số 06/2018 thì lại không có lợi cho người phạm tội. Bởi lẽ, tuổi của người bị hại càng nhỏ bao nhiêu thì người bị buộc tội càng bị bất lợi bấy nhiêu, thậm chí có trường hợp lẽ ra người phạm tội không phải chịu trách nhiệm hình sự hoặc nếu có chịu trách nhiệm hình sự thì cũng chỉ chịu

trách nhiệm hình sự đối với tội nhẹ hơn, nhưng vì cách tính tuổi của người bị hại như Điều 417 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và TTLT số 06/2018 nên họ lại chịu trách nhiệm hình sự. Ví dụ: Đáng lẽ từ tội “giao cấu với người dưới 16 tuổi” thì có thể lại bị kết tội hiếp dâm vì người bị hại chưa đến 13 tuổi. Đối với các tình tiết là dấu hiệu định khung hình phạt cũng vậy, như một số trường hợp lẽ ra người phạm tội không bị áp dụng tình tiết “phạm tội đối với người dưới 18 tuổi hoặc phạm tội đối với người dưới 16 tuổi” thì lại áp dụng tình tiết phạm tội này.

Trước đây, TTLT số 01/2011 hướng dẫn thi hành quy định về cách xác định tuổi của người bị hại là người chưa thành niên tại Điều 12 như sau:

Trường hợp đã áp dụng các biện pháp hợp pháp mà vẫn không xác định được chính xác ngày, tháng, năm sinh của người bị hại là người chưa thành niên thì tuổi của họ được xác định như sau:

1. Trường hợp xác định tháng sinh cụ thể, nhưng không xác định được ngày sinh trong tháng đó thì lấy ngày mừng một của tháng đó làm ngày sinh;

2. Trường hợp xác định được quý cụ thể của năm, nhưng không xác định được ngày tháng nào trong quý đó thì lấy ngày mừng một của tháng đầu của quý đó làm ngày sinh;

3. Trường hợp xác định được cụ thể nửa đầu năm hay nửa cuối năm, nhưng không xác định được ngày tháng nào trong nửa đầu năm hoặc nửa cuối năm đó thì lấy

ngày mừng một tháng Giêng hoặc ngày mừng một tháng Bảy tương ứng của năm đó làm ngày sinh;

4. Trường hợp xác định được năm sinh cụ thể nhưng không xác định được ngày tháng sinh thì lấy ngày mừng một tháng Giêng của năm đó làm ngày sinh¹.

Nhưng hiện nay, theo quy định tại Điều 417 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và TTLT số 06/2018 thì việc xác định tuổi của người bị hại do cơ quan tiến hành tố tụng thực hiện theo quy định của pháp luật. Trường hợp đã áp dụng các biện pháp hợp pháp mà vẫn không xác định được chính xác ngày, tháng, năm sinh của người bị hại được xác định như sau:

1. Trường hợp xác định được tháng sinh cụ thể nhưng không xác định được ngày thì trong tháng đó lấy ngày cuối cùng của tháng đó làm ngày sinh của người bị hại.

2. Trường hợp xác định được quý cụ thể của năm, nhưng không xác định được ngày tháng nào trong quý đó thì lấy ngày cuối cùng của tháng cuối cùng trong quý đó làm ngày sinh của người bị hại;

3. Trường hợp xác định được cụ thể nửa đầu năm hay nửa cuối năm, nhưng không xác định được ngày tháng nào trong nửa đầu năm hoặc nửa cuối năm đó thì lấy ngày 30 tháng 6 hoặc ngày 31 tháng 12 tương ứng của năm đó làm ngày sinh của người bị hại;

4. Trường hợp xác định được năm sinh cụ thể nhưng không xác định được ngày tháng sinh của bị can, bị cáo thì lấy ngày 31 tháng 12 của năm đó làm ngày sinh của người bị hại.

1. Điều 12 TTLT số 01/2011/TTLT-VKSTC-TANDTC-BCA-BTP-BLĐT BXH của Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Lao động - Thương binh và xã hội ngày 12/7/2011.

(Xem tiếp trang 59)